



# Kiến Tánh Thành Phật

BS. Trần Xuân Ninh

Tượng Bồ Đề Đạt Ma (Ảnh Vũ Công Hiến)

Kiến tánh thành Phật là câu chót trong một yếu chỉ gồm 4 câu Hán Việt tóm tắt nguyên tắc truyền đạo của Thiền tông (Nam phái) Trung Hoa mà người hoằng dương là Huệ Năng, thiền sư thứ sáu tính từ sơ tổ là Bồ đề Đạt Ma (Bodhidharma):

*Giáo ngoại biệt truyền  
Bất lập văn tự  
Trực chỉ nhân tâm  
Kiến tánh thành Phật.*  
Dịch nghĩa đen ra tiếng Việt là:  
*Truyền riêng ngoài đạo  
Không lập chữ nghĩa  
Đến thẳng lòng người  
Thấy tánh thành Phật*

“**Kiến tánh thành Phật**” có nghĩa là “**thấy được tánh (của mình) thì (sẽ) thành Phật**”.

Có thực như thế không? Hy vọng câu trả lời sẽ nảy ra sau khi đọc xong phần trình bày ở dưới đây.

## 1. Trước hết, tính (tánh) là gì.

Xin bắt đầu bằng lối giải thích thông thường, nghĩa là viện ra kinh sách. Trong cuốn Thiền luận tập một của Daisetz Teitaro Suzuki, có ghi lại giải thích chữ Tính trong câu chuyện đối đáp giữa đệ tứ tổ Thiền tông Trung quốc là Đạo Tín (580-651) và ngũ tổ Hoàng Nhẫn. Tương truyền rằng trên đường qua huyện Huỳnh Mai, Đạo Tín gặp một đứa bé cọt cách thanh tú, thần thái khác thường.

*Tổ hỏi: danh tánh là gì?*

*Đứa bé đáp: có tánh nhưng chẳng phải tánh thường*

*Tổ hỏi: Tánh gì*

*Đứa bé đáp: Tánh Phật (Buddha Nature)*

*Tổ hỏi: Con không có tên sao?*

*Đứa bé đáp: Không, vì nó vốn là không*

Đứa bé sau trở thành Hoàng Nhẫn, tổ thiền tông đời thứ năm.

Giáo sư Suzuki giải thích rằng đối đáp trong chuyện kể trên là lối chơi chữ Trung hoa. Vì người Tàu có tên và họ (danh và tính).

Câu chuyện lấy đứa bé trả lời tổ Đạo Tín để định nghĩa chữ Tính trong Phật giáo. Chữ Tính trong Phật giáo không phải là tính (họ) thường, *chữ Tính trong đạo Phật là chỉ Phật tính*. Mà nếu hỏi Phật Tính là gì và tiếp tục truy cứu nữa thì lại ra một lô các chuyện hay lời nói hay chữ giải thích cũng dài dòng như vậy và khó hiểu tương tự, hay hơn.

Cho nên, một cách thật tóm gọn, cho khỏi bị rối mù, thì chỉ xin nói rằng chữ **Tính** còn gọi là **Tự Tính** hay là **Bản lai diện mục**.

Và đến đây tôi xin phép ngưng dùng kinh sách mà sử dụng lối nói và suy nghĩ dựa trên hiểu biết thời nay để giải thích ý nghĩa tại sao mà Kiến Tính thành Phật.

Một cách thông thường và trong một phạm vi nhỏ hẹp, ai cũng hiểu Tánh hay Tính là chỉ *đặc điểm* của một người hay một vật. Thí dụ ở người thì có: Tính tốt, tính xấu, tính nóng, tính tham vân vân. Nếu là vật thì tính

cứng, tính mềm. Đến đây thì xin giải thích mấy chữ Hán Việt **Bản Lai Diện Mục** nghe rắc rối, nhưng cần thiết để hiểu Phật tính là gì.

**Bản** là gốc, **Lai** là đến, **Diện** là mặt, **Mục** là mắt.

**Bản Lai Diện Mục** là cái mặt cái mắt của mình từ gốc, tức là lúc ban sơ, khởi đầu.

- **Mặt** tập trung các đặc tính **thể chất** bề ngoài để nhận ra con người.

Điều này được công nhận từ xưa tới nay từ Đông sang Tây. Cho nên thể thông hành ngày nay là luôn luôn có hình chụp để xác nhận con người. Và ngày xưa truy tầm can phạm thì người ta vẽ hình để truyền rộng đi khắp nơi.

- **Mắt** là biểu lộ cái đặc tính **tinh thần** con người.

Theo khoa tướng số ngày xưa, nhìn mắt người ta có thể thấy được sự khôn ngoan hay ngu tối, sự gian tà hay chính trực vân vân... Điểm này thì ngày nay không mấy ai để ý, trừ những người có hiểu chút tướng số mà biết rằng ngày xưa các cụ nói *mắt sáng như sao* là người thông minh, *mắt la mày lét* là kẻ gian ý, vân vân và vân vân.

Thí dụ thêm về ý nghĩa của **mặt và mắt** (diện mục) trong văn hóa Việt nam thì có thể kể:

*Những người mặt nạc đóm giầy  
Mo nang trôi sấp, biết ngày nào khôn*

*Những người con mắt lá dăm,  
Lông mày lá liễu đáng trăm quan tiền*

*Mắt la mày lét  
Con mắt có đuôi  
Mi thanh mục tú*

Và vô số các câu khác về tướng số mà nhiều người đứng tuổi từng nghe qua. Kể ra những câu này không phải là để bàn xem những mô tả này về mặt và mắt là đúng hay sai. Nhưng chỉ để nói rằng mặt và mắt (diện mục) trong văn hóa Trung hoa và Việt nam thời xưa là biểu lộ đặc điểm vật chất và tinh thần con người.

Đối với con người, thì **lúc ban đầu** kể là lúc lọt lòng mẹ, nghĩa là con người tối-thiểu-hoàn-chỉnh đủ để trưởng thành. Tóm lại, **Tính**, hay **Tự Tính**, hay **Bản lai diện mục** là những đặc điểm của một con người *lúc mới sinh*. Đặc tính ban đầu này của con người được thể hiện ra trên hai phương diện, là thể chất và tinh thần.

- Về thể chất thì đó là mắt xanh, tóc đen, da vàng, da trắng, da đen vân vân.
- Về tinh thần thì biểu hiện vắn tắt ra như: khó khăn, dễ dàng, nhanh nhạy, chậm chạp, lạnh, dữ vân vân.

Nhờ những hiểu biết về sinh học ngày nay mà người ta hiểu rằng tất cả những điều này là do các nhân di truyền (genes) một nửa từ bố, một nửa từ mẹ tạo thành. Con người mới sinh này do đó xin tạm gọi là **con người di truyền (genotype)**.

Dưới góc nhìn Phật giáo, thì con người di truyền ra sao được giải thích là do cái **ngiệp** từ nhiều kiếp trước. Nhìn như vậy thì đặc tính thể chất ban đầu của mỗi người do đó không giống nhau. Đó là sự tự nhiên của vũ trụ, bao gồm sinh vật cũng như vật vô tri. Như đá thì khác đất, khác cát. Đất sét thì khác đất thịt. Gỗ lim khác gỗ tạp. Cam thì khác với táo. Vân vân.

Nhân đây thì xin nói rằng cái quan niệm thời nay mọi người sinh ra như nhau, bình đẳng *chỉ là một khẩu hiệu chính trị con người tùy tiện chế ra, để làm nền cho việc quy định cách đối xử với nhau trong một số xã hội Tây phương*.

Mọi bé sơ sinh dù bất cứ nguồn gốc di truyền nào lúc mới lọt lòng mẹ cũng chỉ có chung một phản ứng đầu tiên là khóc. Vì nó bị đổi từ môi trường yên lặng tiện nghi trong bụng mẹ sang môi trường bên ngoài, nóng lạnh khác hẳn, *tạo khó chịu cho nó*. Các giác quan (ngũ uẩn) tiếp nhận đủ loại tấn công, kích thích từ ngoài.

Những phản ứng trong những giờ phút tiếp theo cũng đơn giản như thế: như đói thì khóc đòi ăn, khát thì khóc đòi uống vãn vãn... Khi những nhu cầu đơn giản thiết yếu gắn liền với sự sống này mà được thỏa mãn, thì không còn đòi hỏi phản ứng gì khác.

Đứa bé mới sinh ra không ghét ai, không yêu ai, ngay cả đối với bố với mẹ. Cho nên mọi trẻ mới sinh dù da đen da trắng hay da vàng không tật bệnh mà bú no xong, được ở trong môi trường ấm áp tiện nghi là ngủ, *bộ mặt bình thản, thoải mái. Nói chung ai nhìn cũng thấy dễ thương. Bộ mặt này là bộ mặt thanh thản trên các tượng Phật.* Tình trạng thoải mái còn được thấy trên mặt đứa bé lúc ngủ hé miệng cười, cũng có khi là mếu miệng rồi yên. Mà các cụ ta thường nói là “mụ dầy”.

Với sự trưởng thành, con người di truyền lớn lên thay đổi dần dần bởi *môi trường, hoàn cảnh sống và giáo dục.* Cái yếu tố môi trường và giáo dục này rất quan trọng. Một đứa trẻ bố mẹ Mỹ sống ở Việt Nam từ lúc mới sinh ra thì sẽ hành xử như một người Việt nam, nhưng hình dạng và thể chất là Mỹ. Ngược lại một đứa bé bố mẹ Việt Nam sống ở Mỹ từ lúc mới sinh lớn lên sẽ hành xử như một người Mỹ nếu không được dạy dỗ hướng dẫn gì về VN. Ngoài ra, **cho dù được dạy dỗ nói cho nghe về VN thì đứa bé VN sống ở Mỹ cũng không hành xử hoàn toàn như một người VN sống ở VN.**

Đến đây thì ta có thể thấy rằng con người di truyền (genotype) chịu ảnh hưởng của môi trường sẽ trở thành **con người hiện thực** (phenotype). Con người hiện thực này còn thay đổi theo thời gian. Nói cho rõ thì con người hiện thực lúc tuổi thiếu niên khác con người lúc 30, 40, 50 tuổi và hơn nữa.

Trong sách Luận ngữ, Khổng tử đã mô tả một cách tổng quát sự thay đổi này rằng

*“ngô thập ngũ nhi chỉ ư học, Tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh, lục thập nhi thuận nhĩ, thất thập nhi tàng tâm sở dục bất du cử.”*

Vấn tắt nghĩa là

*“tôi lúc 15 tuổi chỉ lo học, 30 tuổi xác định chỗ đứng, 40 tuổi không còn nghi ngờ, 50 tuổi hiểu được mệnh trời, 60 tuổi nghe thấy thuận tai (không bức bối với những điều nghe thấy), 70 tuổi tùy lòng muốn mà không vượt qua nguyên tắc”.*

Khổng Tử nói như vậy là do nhận định và kinh nghiệm cá nhân. Nhưng con người di truyền của người ta không ai giống như con người di truyền Khổng tử. Cho nên những người đồng thời Khổng Tử 40 tuổi vẫn nghi hoặc không hiểu việc đời, 60 tuổi vẫn không lắng lòng bình tĩnh mà nghe, 70 vẫn không biết những nguyên tắc tối thiểu ở đời để giữ. Tôi không nói những con người thời nay vào những mốc tuổi như vậy, vì môi trường và hiểu biết khác không giống thời Khổng Tử. Trong mạch lý luận này thì có thể nói, được chứng minh bằng thực tế, rằng mỗi chúng ta ở Mỹ (hải ngoại) ngày nay khác với mỗi chúng ta ngày còn ở VN hay ngày mới đến Mỹ.

Sau chót, tổng kết lại thì con người hiện thực tùy theo môi trường và hoàn cảnh sống đã đành, mà còn thay đổi theo cả thời gian nữa. Nhìn rộng ra một chút, thì đó chính là cái lẽ vạn vật **vô thường**, (nghĩa là không có gì bất biến), trong đạo Phật. Nói khác đi thì *thay đổi trong mỗi người* là lẽ tự nhiên ở những mức độ khác nhau tùy lãnh vực, mà phần lớn là không tự thấy, không ý thức được. **Và khó cưỡng lại được. Cưỡng bằng mọi giá là tao ra khổ nạn cho chính mình, và cho người khác.**

Tại sao lại nói thay đổi ở mức độ khác nhau và tùy lãnh vực? là bởi vì như trên đã nói đất sét hút nước và trở thành mềm dẻo nắn được. Đá, cát không hút nước, để nước trôi đi.... Con người không thay đổi đồng đều về thể chất cũng như tinh thần.

## **2. Phân tích như trên thì những đặc điểm thể chất và tinh thần (bản lai diện mục) của con người di truyền khác nhau từ lúc mới sinh. Vậy thì có cái gì là chung cho tất cả mọi người lúc mới sinh để mà có thể nói cái tính ban đầu là Phật tính?**

Là tiếng khóc phát biểu ban đầu, đơn giản. Mà như đã nói ở trên là đói ăn, mệt ngủ. Ăn gì cũng được miễn no bụng thì thôi, vì chưa được dạy dỗ để quen ăn gì, uống gì, ăn thế nào: Bú sữa mẹ hay sữa bò, lạnh hay nóng. Ăn đồ làm sẵn cho trẻ con hay ăn bột, ăn cháo, ăn cơm nhà nấu. Ngủ sao cũng được, miễn là được yên để ngủ. Chưa quen nghe tiếng mẹ ru ngủ hay quen nghe tiếng nhạc từ trong băng âm thanh, trong điện thoại khôn. Quen ngủ nôi một mình hay ngủ cạnh mẹ vãn vãn.... Và cứ thế, hoàn cảnh sống làm cho con người di

truyền thành con người hiện thực, nghĩa là được *điều kiện hóa* theo một số các thói tục. Mà không có những cái đó thì khổ sở, thèm muốn. Và nghĩ rằng con người hiện thực đó là chính mình, là cái **NGÃ**, cái ta không bỏ được.

Trong đời sống thường ngày, không có mấy ai để ý phân biệt con người hiện thực với con người di truyền. Và con người hiện thực nào, vào lúc nào, ở đâu. Vì thế, nhiều khi cứ coi những suy nghĩ hành xử của mình ngày hôm nay vẫn như mười năm trước, mà thật tình không phải. Phán xét cuộc đời ngày hôm nay theo như tiêu chuẩn hai mươi năm trước cũng không chắc là phải. Vì thế mà nhiều phần tạo ra khổ nạn cho mình trước hết, và cho người luôn. Có lẽ vì thế mà triết gia Pháp Pascal đã nói “le moi es haissable” (cái tôi đáng ghét). Bởi vì với tâm thức như thế thì cái Ngã vừa là độc tài đối với người mà vừa là nô lệ cho định kiến của mình. Cái ngã như thế thì không đáng ghét sao được?

Nhìn sự việc qua lăng kính như thế, nhà Phật gọi là **vô minh**.

### **3. Như vậy thì cái TÍNH thuần ban đầu của con người di truyền (bất kể đen, trắng, vàng hay nâu) là hành xử theo nguyên tắc đơn giản tự nhiên của cuộc sống – tương tự đói ăn một ngụ, khác xa với cái phức tạp của con người hiện thực.**

Nói khác đi là khi thấy rõ cái bản lai diện mục con người nào cũng như vậy thì sẽ nhìn ra đường giải khổ, thoát khổ. Nghĩa là sống ở đời mà không bị trôi vào đời. Đói thì ăn chứ không chỉ lo bám chặt lấy cái ăn.

### **4. Cái khác của đứa bé sơ sinh và đức Phật.**

Như đã trình bày trên, đứa bé sơ sinh phản ứng, hành xử đơn giản, đầu óc trong sáng, vì chưa bị điều kiện hóa bởi môi trường hoàn cảnh sống và giáo dục. Đức Phật hành xử đơn giản trong sáng, vì nhờ tu tập đã gạt bỏ được hết các phức tạp mà hoàn cảnh sống, môi trường sống, và giáo dục gắn vào mình. Quá trình tu tập của đức Phật trải qua nhiều giai đoạn: khổ tu đến gần chết, rồi sau tìm ra con đường trung đạo, con đường tự cứu, rồi giảng đạo cứu người (như ngón tay chỉ mặt trăng), ngót nghét năm mươi năm.

Khi mà nhìn và hiểu tự nhiên là như thế, thì nghèo mà không khổ, đói mà không khổ, vất vả mà không khổ. Không hiểu như thế thì giàu mà khổ: Không thiếu gì người giàu có, quyền uy, mà thường xuyên than khổ kêu khổ. Vì phải ăn vội, uống vội, nghỉ vội để còn làm, và làm thì mong cho hết giờ để giải trí và tham dự các cái gọi là trò vui khác vân vân... Và nếu mà không làm được như thế là lại khổ tiếp chồng lên. Cái khổ trong trường hợp này chỉ là gắn liền với công việc mình chọn, thứ trò vui mình tự trôi vào. Cái hình ảnh gần đúng để diễn tả tình trạng này là hình ảnh con chuột bạch trong lồng cầu mà người ta thường thấy bán ở miền Bắc trước năm 1954.

Đến đây ắt có người sẽ hỏi nếu thay đổi xảy ra mà cứ để cho nó như thế và thích ứng theo đó, theo như tinh thần đói thì ăn, khát thì uống, bởi vì không thể cấm khát cấm đói được: Nghe thì có đúng, nhưng phải chăng là quá tiêu cực? Cụ thể như trường hợp VC trấn áp đủ mặt, lấy tiền bạc nhà đất của mình mà cứ chấp nhận hay sao? Câu hỏi này rất phải, nhưng sự so sánh hai trường hợp không thực sự giống nhau. Đói là vì không có đồ ăn thì giải quyết rốt ráo là ăn, mà muốn ăn thì phải kiếm thực phẩm, phải đi làm v..v. Tức là dẹp cái nguyên cớ của đói. VC trấn lột thì phải dẹp VC, hay làm sao cho nó không lấy được. Ta sẽ không đi vào trả lời chi tiết những điều này. Thí dụ như làm sao có việc làm, làm cái gì, làm sao giải quyết VC, vân vân... Bởi vì bản như thế là bản vô tận, ra ngoài phạm vi đề tài.

Ở đây chỉ lấy một trường hợp cụ thể về cách giải quyết cái đói, để suy nghĩ. Các nhà tu hành thời đức Phật thì suốt ngày tập trung suy nghĩ tìm hiểu cái lý để giải khổ, cho nên không làm gì; do đó không có gì để ăn và bị đói. Cho nên đến giờ ăn đúng trưa thì cầm bình bát xin ăn, đứng giữa đường không nói. Người qua đường cho gì ăn nấy. Quá giờ không có ai cho, thì đi về nhịn đói. Và tu tập tiếp. Giải quyết cái ăn như thế là bởi vì không coi việc ăn là quan trọng cần phải giải quyết. Tương tự đứa bé sơ sinh đói thì khóc, nhà tu đói thì cầm bình bát đứng đường.

Ở VN xưa mà tôi biết lúc còn nhỏ, ở chùa làng vị sư trụ trì cùng chú tiểu làm ruộng trồng rau để sống ngoài giờ tụng kinh niệm Phật. Bây giờ, sư đa số chỉ tụng kinh niệm Phật và làm lễ cầu siêu cầu an và tìm cách cho có nhiều Phật tử đi chùa, kêu gọi Phật tử bố thí {hay cúng dường}. Trong ba trường hợp đưa ra, thì chúng ta

thấy rằng cuộc sống các sư thời đức Phật và cuộc sống các sư ngày nay thật khác nhau. Những vấn đề cần giải quyết khác nhau.

## 5. Chữ Phật trong câu **Kiên Tịch Thành Phật** nghĩa là gì?

5.1. Nói đến Phật thì hầu như ai cũng nghĩ đến đức Thích Ca Mâu Ni Phật, tức là thái tử Tất Đạt Đa con vua Tịnh Phạn. Là người đã bỏ cung vàng điện ngọc, bỏ cuộc sống đầy đủ hoan lạc không thiếu thứ gì để đi tu tìm phương cách cứu khổ cho mọi chúng sinh. Trải qua một giai đoạn khổ tu đến gần chết, ngài đã tìm ra con đường trung đạo, thiền định 49 ngày giác ngộ thấy đạo (Pháp), và đi giảng đạo ngót nghét 50 năm, chỉ cho chúng sanh con đường thoát khổ, rồi viên tịch thoát ra khỏi vòng luân hồi. Đó là đức Phật lịch sử. Như thế thì không ai trở thành đức Phật lịch sử được.

5.2. Chữ Phật trong câu **thấy tịch mà thành Phật** ý nghĩa tương tự chữ Phật trong câu: **Ta là Phật đã thành, các người là Phật-sẽ-thành**. Nói khác đi thì đó là trạng thái **giác ngộ**, mà trong nhiều kinh sách gọi là **quả vị Phật**. Người tới tình trạng giác ngộ này chưa thể là một vị Phật trong hàng "tam thế chư Phật", bởi vì điều kiện tất yếu không có không được để thành Phật là phải thể nghiệm, tức là *tu tập*, từng giây từng phút, thường xuyên, mà kết quả ra sao thì chỉ mình mình biết chỉ mình mình hay. Tức là cái tình trạng thân tâm an lạc. Người ngoài không thể biết qua những điều nhìn thấy từ ngoài như chùa to, tượng lớn, Phật tử đông đảo... Tu như thế nào thì nói ra dài vô tận. Bởi vì chính Đức Phật đã chỉ dạy gần 50 năm mà lúc gần nhập Niết bàn, đệ tử còn van xin ở lại. Cho nên không nói đến tu tập thế nào ở đây.

Bác sĩ Trần Xuân Ninh  
(Ngày 21 tháng 3/2017)